

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **KINH TẾ**; Chuyên ngành: **KẾ TOÁN**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN NGỌC TIẾN**

2. Ngày tháng năm sinh: **04 – 11 – 1979**; Nam ; Nữ ;

Quốc tịch: **Việt Nam**; Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Thôn Mỹ Điền, Thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):

09 Đoàn Nguyễn Tuấn, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện):

Nguyễn Ngọc Tiến – Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn

170 An Dương Vương, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại nhà riêng: **Không có**; Điện thoại di động: **0905 041179**;

Địa chỉ E-mail: **nguyennngoctien@qnu.edu.vn**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Công việc, chức vụ, cơ quan
Từ 04/2002 đến 03/2003	Được công nhận là Giảng viên , Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn
Từ 04/2003 đến 03/2009	Giảng viên , Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Quy Nhơn
Từ 04/2009 đến 08/2013	Giảng viên , Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn

Từ 09/2013 đến 11/2015	Được bổ nhiệm là Trưởng bộ môn Kinh tế , Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn.
Từ 11/2015 đến 07/2018	Được bổ nhiệm là Phó Trưởng khoa kiêm Trưởng bộ môn Kinh tế , Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn
Từ 08/2018 đến 10/2019	Được bổ nhiệm chức danh Giảng viên chính , Phó Trưởng khoa kiêm Trưởng bộ môn Kinh tế , Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn
Từ 11/2019 đến nay	Giảng viên chính , Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn

Chức vụ: Hiện nay: **Giảng viên chính**; Chức vụ cao nhất đã qua: **Phó Trưởng khoa**

Cơ quan công tác hiện nay: **Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn**

Địa chỉ cơ quan: **170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**

Điện thoại cơ quan (+84) 0256 3846 156 – (+84) 0256 3546 547

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): **Không có**

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): **Không có**

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối: **Không có**

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng **ĐH** ngày 31 tháng 10 năm 2001, ngành: **Kế toán**, chuyên ngành: **Kế toán**

Nơi cấp bằng **ĐH** (trường, nước): **Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam**

- Được cấp bằng **ĐH** ngày 23 tháng 03 năm 2012, ngành: **Ngôn ngữ Anh**, chuyên ngành: **Ngôn ngữ Anh**

Nơi cấp bằng **ĐH** (trường, nước): **Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam**

- Được cấp bằng **ThS** ngày 09 tháng 05 năm 2007, ngành: **Quản trị kinh doanh**, chuyên ngành:

Quản trị kinh doanh

Nơi cấp bằng **ThS** (trường, nước): **Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam**

- Được cấp bằng **TS** ngày 01 tháng 03 năm 2016, ngành: **Kinh doanh và quản lý**, chuyên ngành: **Kế toán, kiểm toán và phân tích**

Nơi cấp bằng **TS** (trường, nước): **Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam.**

- Được cấp bằng **TSKH** ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng **TSKH** (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... ngành:....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HDGS cơ sở: **Trường Đại học Sài Gòn.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HDGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp liên quan đến phân tích hiệu quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động của các loại hình doanh nghiệp;

(2) Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp hoàn thiện chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam đáp ứng xu thế trong tiến trình hội nhập và hội tụ với kế toán quốc tế;

(3) Nghiên cứu về những vấn đề khác có liên quan đến kiểm soát và quản lý như kiểm soát nội bộ, quản trị lợi nhuận, công cụ tài chính phái sinh, nâng cao hiệu quả quản lý, hiệu quả cạnh tranh,... trong một số ngành như du lịch, thủy sản, nông nghiệp,...

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **09** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành **03** đề tài NCKH cấp Cơ sở (cả 03 đề tài đều làm chủ nhiệm) và thành viên Thư ký **01** đề tài cấp Bộ;

- Đã công bố **54** bài báo khoa học, trong đó **10** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI, SCOPUS;

- Số lượng sách đã xuất bản là **03** (02 giáo trình, 01 sách chuyên khảo đều có chỉ số ISBN), trong đó cả 03 giáo trình và sách chuyên khảo đều thuộc nhà xuất bản có uy tín trong nước (01 của Nhà xuất bản Tài chính và 02 của Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Thời gian	Hình thức, lý do khen	Cấp ký quyết định
Tháng 10 năm 2016	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ năm học 2014 – 2015 đến năm học 2015 – 2016. Quyết định số: 4153/QĐ-BGDĐT, ngày 04 tháng 10 năm 2016	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
Tháng 07 năm 2015	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở: Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2014 – 2015. Quyết định số: 3398/QĐ-ĐHQN ngày 27/07/2015.	Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn
Tháng 07 năm 2014	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở: Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2013 – 2014. Quyết định số: 1882/QĐ-ĐHQN ngày 02/07/2014.	Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Cá nhân là giảng viên tại một trường đại học, bản thân tôi tự nhận thấy mình có phẩm chất đạo đức tốt, luôn thực hiện đúng phẩm chất nhà giáo, có lối sống lành mạnh, giản dị, hoà đồng với tất cả các đồng nghiệp, cán bộ, nhân viên và sinh viên, học viên ở các hệ đào tạo trong nhà trường.

Trong những năm vừa qua, cá nhân tôi luôn nỗ lực tự học tập để trau dồi kiến thức phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, và học tập từ các thầy/cô, các thế hệ đồng nghiệp đi trước cũng như mọi người xung quanh trong suốt quá trình công tác. Tôi đã phấn đấu học tập không ngừng từ chỗ vượt qua khó khăn để cố gắng học tốt và có kết quả học tập tốt ở bậc đại học, bậc thạc sĩ và bậc học tiến sĩ. Bên cạnh đó, bản thân cũng ý thức và tham gia các khoá bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng, chương trình đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp,... để đáp ứng tốt công tác giảng dạy và quản lý. Bản thân nhận thấy mình có trình độ tin học thành thạo, trình độ tiếng Anh đáp ứng tốt yêu cầu nghiên cứu và phục vụ giảng dạy.

Trong suốt quá trình công tác tại nhà trường, với vai trò là một Đảng viên, một giảng viên tôi luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, gương mẫu thực hiện nghiêm túc các quy chế của ngành, nội quy, quy định của nhà trường; luôn phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ chuyên môn và các công tác quản lý được giao, đóng góp vào sự phát triển của nhà trường.

Cá nhân cũng luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học và luôn có thái độ đối xử công bằng, nghiêm túc với người học, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người học; tích cực động viên, hỗ trợ người học hoàn thành tốt việc học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tính đến thời điểm hiện tại, tôi đã công tác hơn 18 năm tại Trường Đại học Quy Nhơn, trong đó cả 18 năm đều liên quan trực tiếp đến công tác đào tạo (tính từ quyết định công nhận giảng viên, ngày 15 tháng 04 năm 2002)

Cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/ giờ quy đổi/ Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015				7	495		495/773,1/224
2	2015-2016				3	225		225/325,5//216
3	2016-2017				3	285	120	405/549,3/202,5
3 năm học cuối:								
4	2017-2018			03	3	480	300	780/997,2/202,5
5	2018-2019			03	1	255	500	755/968,1/202,5
6	2019-2020			03	2	285		285/394,5/270

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ nămđến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Quy Nhơn; số bằng: 00327429; năm cấp: 2012

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2017 đến 2019	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Tú Trinh		x	x		Từ 01/03/2017 đến 03/10/2017	ĐH Quy Nhơn	03/10/2017 Quyết định

2	Nguyễn Thị Kim Thoa		x	x		Từ 01/03/2017 đến 03/10/2017	ĐH Quy Nhơn	số: 1834/QĐ- ĐHQN, ngày 03/10/2017
3	Nguyễn Thị Thu Tâm		x	x		Từ 01/03/2017 đến 03/10/2017	ĐH Quy Nhơn	
4	Phan Thụy Ánh		x	x		Từ 04/12/2017 đến 05/10/2018	ĐH Quy Nhơn	05/10/2018 Quyết định số: 2295/QĐ- ĐHQN, ngày 05/10/2018
5	Đặng Thị Mỹ Liên		x	x		Từ 04/12/2017 đến 05/10/2018	ĐH Quy Nhơn	
6	Trịnh Thị Mai Phương		x	x		Từ 04/12/2017 đến 05/10/2018	ĐH Quy Nhơn	
7	Bùi Thị Xuân Hà		x	x		Từ 14/12/2018 đến 01/11/2019	ĐH Quy Nhơn	31/10/2019 Quyết định số: 3012/QĐ- ĐHQN, ngày 31/10/2019
8	Lê Việt Hùng		x	x		Từ 14/12/2018 đến 01/11/2019	ĐH Quy Nhơn	
9	Hồ Trình Thị Thanh Hoa		x	x		Từ 14/12/2018 đến 01/11/2019	ĐH Quy Nhơn	

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang...đến trang...)	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<i>Giai đoạn trước khi bảo vệ học vị TS:</i>							
1	Giáo trình Kế toán tài chính 1	GT	2015	6	Chủ biên các chương 1,2,5	Từ trang 01-37, 103-139	Quyết định số: 5396/QĐ-ĐHQN, ngày 04/11/2015
<i>Giai đoạn sau khi bảo vệ học vị TS:</i>							

2	Giáo trình Kế toán tài chính 2	GT	2016	5	Chủ biên, biên soạn các chương 3, 4, 7 và một phần chương 2, 6	Từ trang 26-46, 68-120, 137-159, 179-203.	Quyết định số: 2027/QĐ-ĐHQN, ngày 11/11/2016
3	Giáo trình Nguyên lý Kế toán ISBN: 978-604-79-1552-1	GT	NXB Tài chính, 2017	7	Đồng chủ biên, biên soạn chương 2 và một phần chương 3, 4	Từ trang 37-5, 68-82, 83-103	Quyết định số: 1394/QĐ-ĐHQN, ngày 18/07/2019
4	Giáo trình Kế toán công ty (đang trong quy trình in xuất bản, số ISBN: 978-604-946-869-8; QĐXB số: 216/QĐ-NXBĐHKQTĐ, ngày 22/06/2020 và Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2305-2020/CXBIPH/2-204/ĐHKQTĐ)	GT	2019, NXB Đại học KTQD, 2020	2	Chủ biên, biên soạn các chương 1,3,4,5 và một phần chương 6	Từ trang: 03-16, 36-111, 116-127	Quyết định số: 4035/QĐ-ĐHQN, ngày 30/12/2019
5	Chuyên khảo về phân tích hiệu quả hoạt động trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch ISBN: 978-604-946-356-3	CK	NXB Đại học KTQD, 2017	1	Chủ biên, biên soạn toàn bộ sách	Từ trang 1 - 250	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau TS: có **01** sách chuyên khảo (số **TT 05**) do Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân là nhà xuất bản có uy tín xuất bản.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp KQ
Giai đoạn trước khi bảo vệ học vị TS:					
1	Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân	CN	Cấp Trường	Tháng 06	17/06/2016

	tích hiệu quả kinh doanh tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định		T2015.488.33	năm 2015 đến tháng 06 năm 2016	Xuất sắc
Giai đoạn sau khi bảo vệ học vị TS:					
2	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp chế biến thức ăn gia súc trên địa bàn tỉnh Bình Định	CN	Cấp Trường T2017.535.38	Tháng 06 năm 2017 đến tháng 06 năm 2018	09/07/2018 Tốt
3	Nghiên cứu xây dựng chương trình và nội dung đào tạo khóa học kế toán tổng hợp theo định hướng ứng dụng	CN	Cấp Viện V2017.02	Tháng 08 năm 2017 đến tháng 08 năm 2018	22/08/2018 Tốt
4	Hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa: Nghiên cứu trường hợp của tỉnh Bình Định	TK	Cấp Bộ B2017.DQN.03	Tháng 01 năm 2017 đến tháng 12 năm 2018	20/03/2019 Đạt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Năm công bố
Giai đoạn trước khi bảo vệ học vị TS:								
1	Xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ thu, chi tiền mặt dành cho chủ	2		Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán/ISSN			Số 25, 28-31	2009

	doanh nghiệp nhỏ và vừa			1859-1671				
2	Xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ tiền gửi ngân hàng dành cho chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa	2		Tạp chí Khoa học – Đại học Quy Nhơn/ISSN 1859-0357			Tập IV, số 02/2010, 125-129	2010
3	Xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ các yếu tố sản xuất dành cho chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa	2		Tạp chí Kế toán/ISSN 1859-1914			Số 87, 46-47	2010
4	Đặc điểm kinh doanh du lịch ảnh hưởng đến phân tích hiệu quả kinh doanh	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán/ISSN 1859-1671			Số 50+51, 51-53	2012
5	Hiệu quả kinh doanh du lịch các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán/ISSN 1859-1671			Số 53, 50-52	2012
6	Tiềm năng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định	1	x	Kỷ yếu HTKH: Phát triển các nguồn lực cho du lịch miền Trung và Tây Nguyên			202-215	2013
7	Đặc điểm tự nhiên, khu vực địa lý, kinh tế - văn hóa – xã hội ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định	1	x	Tạp chí khoa học – Đại học Quy Nhơn/ISSN 1859-0357			Tập VII, số 02/2013, 21-33	2013
8	Liên kết phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ cho phát triển bền vững ngành công nghiệp chế biến thủy hải sản Bình Định	2	x	Kỷ yếu HTKH: Xúc tiến thương mại nhằm phát triển thủy sản bền vững vùng duyên hải miền Trung			193-203	2014

9	Phát triển ngành thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định theo hướng bền vững - Thực trạng và giải pháp	2	x	Kỹ yếu HTKH: Xúc tiến thương mại nhằm phát triển thủy sản bền vững vùng duyên hải miền Trung			205-215	2014
10	Tỉnh Bình Định: Giải pháp nâng cao hiệu quả ngành thủy sản	1	x	Tạp chí Kinh tế & Dự Báo/ ISSN 0866-7120			Số 04/2014, 53-55	2014
11	Xây dựng mô hình kiểm soát hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả quản lý cho các doanh nghiệp sản xuất chế biến gỗ	2	x	Kỹ yếu HTKHQG: Kế toán, kiểm toán trong tiến trình cải cách và hội nhập			281-289	2014
12	Một số ý kiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Kế toán – Kiểm toán đáp ứng nhu cầu xã hội	3		Kỹ yếu HTKHQG: Kế toán, kiểm toán trong tiến trình cải cách và hội nhập			407-411	2014
13	Một số góp ý hoàn thiện việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tại các tổng công ty trên địa bàn tỉnh Bình Định	1	x	Kỹ yếu HTKH: Kế toán tài chính - Những thay đổi và định hướng phát triển trong tiến trình hội nhập/ ISBN:978-604-922-115-6			458-468	2014
14	Bàn về hệ thống chỉ tiêu phân tích hiệu quả hoạt động tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch	1	x	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 134, 27-30	2014

15	Tiềm năng và giải pháp phát triển nguồn lực du lịch khu vực vùng duyên hải miền Trung và Tây Nguyên	2	x	Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng/ ISSN 1859-3437			Số 64, 18-22	2015
16	Phân cấp quản lý hoạt động và quản lý tài chính ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tỉnh Bình Định	1	x	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 136+137, 29-31, 59	2015
17	Đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ - Trường hợp của các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định	3		Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng/ ISSN 1859-011X			Số 155, 52-59	2015
Giai đoạn sau khi bảo vệ học vị TS:								
18	Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích năng lực hoạt động tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch	1	x	Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, Kỹ yếu Kế toán, kiểm toán Việt Nam 20 năm cải cách và hội nhập/ ISBN 978-604-946-086-9			327-335	2016
19	Vận dụng VAS số 02 để tính giá trị hàng tồn kho tại các doanh nghiệp chế biến gỗ	2	x	Tạp chí Kế toán và Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 152, 35-37,59	2016
20	Ngành Thủy sản tỉnh Bình Định trong bối cảnh hội nhập TPP	2	x	Kỹ yếu HTKH: Gia nhập TPP – Cơ hội và thách thức cho đầu tư			76-84	2016

				phát triển các tỉnh vùng duyên hải miền Trung/ ISBN:978-604-922-345-7				
21	Giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch khu vực vùng duyên hải miền Trung trong tiến trình hội nhập	1	x	Kỹ yếu HTKH: Gia nhập TPP – Cơ hội và thách thức cho đầu tư phát triển các tỉnh vùng duyên hải miền Trung/ ISBN:978-604-922-345-7			183-190	2016
22	Cơ hội, thách thức và khả năng thích ứng của nông nghiệp Việt Nam khi gia nhập TPP	2	x	Kỹ yếu HTKHQG: Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2015 – Cơ hội và thách thức trước thềm hội nhập mới/ ISBN:978-604-946-058-6			645-654	2016
23	Ảnh hưởng của quản trị lợi nhuận đến các thông tin trên Báo cáo tài chính dưới quyết định của nhà quản lý	2	x	Kỹ yếu HTKH: Kế toán sáng tạo – Góc nhìn từ kế toán và quản lý/ ISBN:978-604-922-344-0			5- 21	2016
24	Đánh giá việc xác định các ước tính kế toán và trình bày thông tin về hàng tồn kho tại các doanh nghiệp chế biến gỗ	3	x	Kỹ yếu HTKH: Kế toán sáng tạo – Góc nhìn từ kế toán và quản lý/ ISBN:978-604-			191-201	2016

				922-344-0				
25	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chuẩn mực kế toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp chế biến gỗ và một số hàm ý chính sách	2	x	Kỹ yếu HTKHQG: Kế toán, kiểm toán trong bối cảnh Việt Nam gia nhập TPP và AEC/ ISBN: 978-604-946-194-1			417- 422	2016
26	Organization of liability accounting in small and medium cattle food processing enterprises in Viet Nam	3		International Conference Proceedings: Management Accounting - International experiences current situations in Viet Nam/ ISBN:978-604-79-1468-5			227- 235	2016
27	Bàn về mô hình định giá quyền chọn kiểu Âu trên thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam	3	x	Kỹ yếu HTKHQG: Kế toán - Kiểm toán và Kinh tế Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 / ISBN:978-604-922-593-2			Tập 1, 350- 355	2017
28	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc giảng dạy chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại các trường đại học Việt Nam	2	x	Kỹ yếu HTKHQG: Kế toán - Kiểm toán và Kinh tế Việt Nam với cuộc			Tập 2, 19- 25	2017

				cách mạng công nghiệp 4.0/ ISBN:978-604-922-593-2				
29	Hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Định trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0: Trường hợp Công ty TNHH Tân Phước	3		Kỷ yếu HTKHQG: Kế toán - Kiểm toán và Kinh tế Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0/ ISBN:978-604-922-593-2			Tập 2, 308-316	2017
30	Đánh giá tình trạng việc làm của sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp Khoa Kinh tế và Kế toán – Trường Đại học Quy Nhơn	2	x	Tạp chí Khoa học – Đại học Quy Nhơn/ ISSN 1859-0357			Tập 12, số 02/2018, 47-58	2018
31	Thực trạng áp dụng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp chế biến thức ăn gia súc trên địa bàn tỉnh Bình Định và giải pháp hoàn thiện	1	x	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 178, 27-30,49	2018
32	Phân tích hiệu quả kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Định	2		Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ISSN 0866-7120			Số 27, 54-57	2018
33	Hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Định - góc nhìn từ quản lý	2		Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 180, 7-10	2018

34	Thực trạng khả năng sinh lợi của tài sản và vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Định	2	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ISSN 0866-7120			Số 33, 49-52	2018
35	Research on micro economics factors affecting IFRS adoption in Vietnam	2	x	24th EBES conference - Bangkok Proceedings			Tập 2, 1283-1294	2018
36	Impact of FDI on economic growth from the sustainable perspective	3	x	Proceeding of the 5 th International Conference on Business, Management and Accounting 2018, Hanoi University of Industry			385-391	2018
37	Factors Affecting the Responsibility Accounting in Livestock Food Processing Enterprises: A Case Study of Binh Dinh Province	2	x	International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2018) November 23rd, 2018 Hanoi City, Vietnam/ISBN: 978-604-946-498-0			312-324	2018
38	Thực trạng về công cụ và kỹ thuật phân tích khả năng sinh lợi tại các doanh	2		Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ISSN 1859-1914			Số 186, 23-27	2019

	nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định và giải pháp hoàn thiện							
39	Hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp vay vốn tại Ngân hàng Nam Á – Chi nhánh Quy Nhơn	1	x	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 188, 40-44	2019
40	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch vùng Tây Nguyên	2	x	Kỷ yếu HTKHQG: Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng Tây Nguyên, lần 3/ISBN:978-604-60-3012-6			913-921	2019
41	Determinants and Solutions for Improving the Efficiency of Tourism Business Doi: 10.11648.j.ajtab20190501.12	3	x	American Journal of Theoretical and Applied Business/ ISSN 2469-7834; 2469-7842		1	Tập 5, số 1, 14-19	2019
42	Assessing the difference in the system of Indicators for Analyzing Business Efficiency in Tourism Enterprises: A case study in Vietnam Links: https://seajbel.com/previous-issues/april-2019/vol-18-april-2019-issue-5/	2	x	South East Asia Journal of Contemporary Business, Economics and Law/ ISSN 2289-1560		0	Tập 18, số 5, 156-165	2019
43	Factors affecting the responsibility accounting in Vietnamese firms: A	3	x	Management Science Letters/ ISSN	SCOPUS Q2, H_Index=13	2	Tập 9, số 9, 1349–	2019

	case study for livestock food processing enterprises doi: 10.5267/j.msl.2019.5.015			1923-9335; 1923-9343			1360	
44	A study on the impact of the factors reflect solvency to the bankruptcy risk of real estate companies: Evidence from Vietnam stock exchange doi: 10.5267/j.msl.2019.6.013	3	x	Management Science Letters/ ISSN 1923-9335; 1923-9343	SCOPUS Q2, H_Index=13	0	Tập 9, số 11, 1772- 1782	2019
45	Identifying factors influencing on the profitability of tourist enterprises: Evidence from Vietnam doi: 10.5267/j.msl.2019.5.034	3	x	Management Science Letters/ ISSN 1923-9335; 1923-9343	SCOPUS Q2, H_Index=13	1	Tập 9, số 11, 1933- 1940	2019
46	Identify factors affecting business efficiency of small and medium enterprises (SMEs): Evidence from Vietnam doi: 10.5267/j.msl.2019.7.007	2	x	Management Science Letters/ ISSN 1923-9335; 1923-9343	SCOPUS Q2, H_Index=13	2	Tập 9, số 12, 1987- 1998	2019
47	Factors affecting IFRS adoption in listed companies: Evidence from Vietnam doi: 10.5267/j.msl.2019.7.035	4	x	Management Science Letters/ ISSN 1923-9335; 1923-9343	SCOPUS Q2, H_Index=13	3	Tập 9, số 13, 2169- 2180	2019
48	Assessing the level of environmental information disclosure by listed companies on the stock market in Vietnam doi:10.21511/ppm.17(3).2019.17	3	x	Problems and Perspectives in Management/ ISSN 1727-7051; 1810-5467	SCOPUS Q3, H_Index=17	0	Tập 17, số 3, 207-217	2019
49	The impact of corporate social responsibility on the	3	x	Investment Management and	SCOPUS Q3,	0	Tập 16, số 3,	2019

	cost of equity: an analysis of Vietnamese listed companies doi:10.21511/imfi.16(3).2019.09			Financial Innovations/ ISSN 1810-4967; 1812-9358	H_Index=15		87-96	
50	Tiềm năng về liên kết phát triển sản phẩm du lịch và điểm đến du lịch tại các tỉnh Bình Định – Phú Yên – Đắk Lắk – Gia Lai ISBN:978-604-86-9835-5	4	x	Kỹ yếu HTKHQG: Chiến lược Marketing điểm đến du lịch liên kết – Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam			191-204	2020
51	Determining criteria and weights for evaluating the socio-economic efficiency of scientific and technological topics/projects after acceptance doi: 10.5267/j.ac.2019.12.002	5	x	Accounting/ ISSN 2369-7393; 2369-7407	SCOPUS Q4 H_Index=2	0	Tập 6, số 2, 107–116	2020
52	Factors Affecting Voluntary Information Disclosure on Annual Reports: Listed Companies in Ho Chi Minh City Stock Exchange doi:10.13106/jafeb.2020.vol7.no3.5 3	3	x	Journal of Asian Finance, Economics and Business/ ISSN 2288-4637; 2288-4645	ISI-ESCI, SCOPUS Q3	3	Tập 7, số 3, 53-62	2020
53	Factors Affecting Responsibility Accounting at Public Universities: Evidence from Vietnam	1	x	Journal of Asian Finance, Economics and Business/ ISSN	ISI-ESCI, SCOPUS Q3		Tập 7, số 4, 275 - 286	2020

				2288-4637; 2288-4645				
54	Ảnh hưởng của công bố thông tin về môi trường đến chi phí vốn của các công ty niêm yết trên TTCK Việt Nam	4		Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 200, 63-67	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: có **09** bài báo khoa học

- 1) **Ngoc Tien NGUYEN** (2020). Factors Affecting Responsibility Accounting at Public Universities: Evidence from Vietnam. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7 (4), 275 – 286. (ISI-ESCI, SCOPUS Q3, **First and Corresponding Author**).
- 2) Thi Mai Huong NGUYEN, **Ngoc Tien NGUYEN**, Hong Thu NGUYEN (2020). Factors Affecting Voluntary Information Disclosure on Annual Reports: Listed Companies in Ho Chi Minh City Stock Exchange. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7 (3), 53-62 . (ISI-ESCI, SCOPUS Q3, **Corresponding Author**)
- 3) **Ngoc Tien Nguyen**, Quyet Thang Dao, Le Dieu Linh Tran, Dinh Chuong Tran, Vu Nguyen Dao (2020). Determining criteria and weights for evaluating the socio-economic efficiency of scientific and technological topics/projects after acceptance. *Accounting*, 6 (2), 107–116. (SCOPUS Q4 H-Index=2, **First and Corresponding Author**)
- 4) Xuan Quynh Le, **Ngoc Tien Nguyen**, Thy Ha Van Le (2019). The impact of corporate social responsibility on the cost of equity: an analysis of Vietnamese listed companies. *Investment Management and Financial Innovations*, 16 (3), 87-96. (SCOPUS Q3, H-Index = 15, **Corresponding Author**)
- 5) Thi Kim Tuyen Nguyen, **Ngoc Tien Nguyen**, Thi Mai Huong Nguyen (2019). Assessing the level of environmental information disclosure by listed companies on the stock market in Vietnam. *Problems and Perspectives in Management*, 17 (3), 207-217. (SCOPUS Q3, H-Index = 17, **Corresponding Author**)
- 6) Thi Cam Thanh Tran, Xuan Thach Ha, Tran Hanh Phuong Le, **Ngoc Tien Nguyen** (2019). Factors affecting IFRS adoption in listed companies: Evidence from Vietnam. *Management Science Letters*, 9 (13), 2169-2180. (SCOPUS Q2, H-Index = 13, **Corresponding Author**)

- 7) Thi Cam Thanh Tran, **Ngoc Tien Nguyen** (2019). Identify factors affecting business efficiency of small and medium enterprises (SMEs): Evidence from Vietnam. *Management Science Letters*, 9 (12), 1987-1998. (SCOPUS Q2, H-Index = 13, **Corresponding Author**)
- 8) Thi Le Hang Nguyen, **Ngoc Tien Nguyen**, Van Cong Nguyen (2019). Identifying factors influencing on the profitability of tourist enterprises: Evidence from Vietnam. *Management Science Letters*, 9 (11), 1933-1940. (SCOPUS Q2, H-Index = 13, **Corresponding Author**)
- 9) **Ngoc Tien Nguyen**, Thi Le Hang Nguyen, Duc Cuong Pham (2019). Factors affecting the responsibility accounting in Vietnamese firms: A case study for livestock food processing enterprises. *Management Science Letters*, 9 (9), 1349–1360. (SCOPUS Q2, H-Index = 13, **First Author**)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được cấp bằng TS: Không

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được cấp bằng TS: Không

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được cấp bằng TS: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tổ trưởng Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán (theo Quyết định số 2179/QĐ-ĐHQN, ngày 21/09/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn) và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Quy Nhơn đào tạo ngành Kiểm toán trình độ đại học (theo Quyết định số 1397/QĐ-BGDĐT, ngày 21 tháng 05 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Tham gia làm thành viên phản biện của Hội đồng thẩm định và nghiệm thu Chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung ngành Tài chính – Ngân hàng (theo Quyết định số 955/QĐ-ĐHQN, ngày 04/06/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

- Tham gia làm thành viên phản biện của Hội đồng thẩm định và nghiệm thu Chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung ngành Quản trị kinh doanh (theo Quyết định số 954/QĐ-ĐHQN, ngày 04/06/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Định , ngày 25 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Nguyễn Ngọc Tiến